

Số: 600/KH-UBND

Vạn Ninh, ngày 23 tháng 02 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Vạn Ninh

Căn cứ Kế hoạch số 867/KH-UBND ngày 22/01/2024 của UBND tỉnh Khánh Hoà về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Vạn Ninh với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cụ thể hóa các nội dung được giao tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, làm căn cứ, cơ sở để các cơ quan, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, triển khai hành động, kết hợp nghiên cứu, mở ra các ngành nghề mới để phát triển toàn diện kinh tế số, xã hội số trên địa bàn huyện, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Theo đó:

- Phát triển kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính và sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để đổi mới sáng tạo, cải tiến môi trường làm việc và sản xuất, kinh doanh, giúp tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm, giá trị mới, tạo động lực tăng trưởng mới, nhằm bảo đảm “kinh tế số” là một trong các nội dung phát triển có tính “đột phá” theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hoà đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Phát triển xã hội số là việc tích hợp công nghệ số vào các hoạt động của xã hội, bảo đảm người dân được kết nối, có khả năng tương tác và thành thạo kỹ năng số để khai thác sử dụng hiệu quả các dịch vụ số, tiện ích số phục vụ nhu cầu giao tiếp, học tập, làm việc, mua sắm, giải trí, cũng như tham gia các hoạt động xã hội khác, từng bước thu hẹp khoảng cách vùng miền, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng cuộc sống.

II. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

Phát triển kinh tế số bảo đảm đồng bộ và ưu tiên tập trung ở các nội dung, nhiệm vụ thuộc tiềm năng, thế mạnh của huyện, bao gồm: Kinh tế số ICT (*công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông*); kinh tế số nền tảng (*hoạt động kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu của các dịch vụ trực tuyến trên mạng*) và kinh tế số ngành (*hoạt động kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực*).

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 15% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 7%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%;
- Tỷ lệ sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử đạt trên 80%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- “Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%;
- Tỷ lệ sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử đạt 100%.

2. Phát triển xã hội số

Phát triển xã hội số bảo đảm đồng bộ các nội dung Công dân số (*gồm đặc trưng về danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số*); kết nối số (*khả năng kết nối mạng của người dân, bao gồm tỷ lệ dân được phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng và tỷ lệ người dùng Internet*) và văn hóa số (*mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mức độ sử dụng dịch vụ số trên mạng, mức độ sử dụng các dịch vụ y tế số, giáo dục số của người dân,...*).

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 80%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 80%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 30%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt trên 80%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 80%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt tối thiểu 80%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 95%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhu cầu đều được kết nối Internet băng rộng bằng cáp quang hoặc mạng di động 5G đạt 100%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt trên 90%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa đạt tối thiểu 50%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 95%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt tối thiểu 95%.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

a) Thể chế

- Triển khai, áp dụng chính sách, pháp luật của Trung ương, của tỉnh tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Phối hợp nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số của huyện, trong đó đặc biệt là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Phối hợp triển khai Đề án nghiên cứu định hướng và giải pháp phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.

- Phối hợp xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành, lĩnh vực,...

b) Hạ tầng

- Phối hợp triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số.

- Phối hợp triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng khu công nghiệp; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch; hạ tầng tài nguyên và môi trường,...Việc số hóa, thông minh hóa các hạ tầng thiết yếu phải gắn liền với việc nghiên cứu, triển khai hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT), bảo đảm đồng bộ, chia sẻ sử dụng có hiệu quả.

- Phối hợp triển khai hoàn thiện kết cấu hạ tầng dịch vụ Logistics tại Kế hoạch số 11264/KH-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng

chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Triển khai nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Chuyển đổi toàn diện mạng Internet của huyện sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Các công, trang điện tử cung cấp thông tin, dữ liệu.

c) Nền tảng số

- Phối hợp triển khai các nền tảng số quốc gia theo lộ trình của tỉnh; xác định các nền tảng số dùng chung trong từng ngành, lĩnh vực, phù hợp với tình hình của địa phương, có hỗ trợ khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các nền tảng số này.

- Phối hợp nghiên cứu, phát triển và phổ cập các nền tảng số phục vụ riêng và cá nhân hóa theo nhu cầu sử dụng của từng lĩnh vực, ngành nghề, theo đặc thù của vùng, miền, địa phương, bảo đảm tất cả các tầng lớp nhân dân trên địa bàn huyện đều được kết nối, tiếp cận và khai thác sử dụng các nền tảng số.

d) Dữ liệu số

- Phối hợp triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia.

- Phối hợp triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và nhân lực phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: Du lịch, dịch vụ, nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao,... bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác sử dụng một cách dễ dàng.

- Phối hợp triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung, kết nối liên thông, mở, chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực địa phương vào đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế, xã hội số.

d) An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

- Phối hợp triển khai Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia.

- Triển khai và bảo đảm yêu cầu an toàn thông tin mạng ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.

- Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

- Tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan

trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

- Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá cả phù hợp với thu nhập của người dân.

- Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn huyện. Tổ chức triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử của tỉnh, bảo đảm xác thực danh tính số của người dân khi tham gia khai thác các nền tảng số.

- Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

e) Nhân lực số

- Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy đào tạo theo nhu cầu, theo đặt hàng về chuyên ngành công nghệ thông tin, về kỹ năng số, bảo đảm nguồn nhân lực số tại chỗ, kết nối cung cầu thị trường lao động tại địa phương.

- Phối hợp triển khai chương trình dạy, học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.

- Phối hợp triển khai hệ thống thư viện điện tử; các nền tảng tài nguyên giáo dục mở; nền tảng quản lý nội dung học tập; nền tảng lưu trữ hồ sơ số trong suốt quá trình học tập, đào tạo.

- Phối hợp tổ chức đào tạo về kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp; triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số tại cộng đồng phục vụ cho phát triển xã hội số.

g) Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

- Phối hợp triển khai chuẩn kỹ năng số, khung kỹ năng số quốc gia và nền tảng sát hạch trực tuyến đánh giá, đo lường kỹ năng số cho từng đối tượng lao động, công chức, viên chức, học sinh.

- Phối hợp triển khai nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số.

- Phối hợp tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin, chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên

chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số và tuân thủ các quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Phối hợp triển khai nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến các vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

h) Doanh nghiệp số

- Phối hợp triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam.

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn huyện; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia.

- Đẩy mạnh kinh doanh trực tuyến qua các nền tảng công nghệ số; triển khai các hình thức thanh toán trực tuyến; có chính sách khuyến khích người tiêu dùng mua sắm trực tuyến; bảo đảm cam kết xây dựng thương hiệu uy tín về chất lượng sản phẩm để tạo niềm tin cho khách hàng.

- Phối hợp triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và Logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Thúc đẩy phát triển nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hoá chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp, nền tảng trí tuệ nhân tạo, nền tảng trợ lý ảo, nền tảng thiết bị IoT.

i) Thanh toán số

- Phối hợp triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021-2025 được ban hành tại Quyết

định số 5019/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Phối hợp triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile - Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp và Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị.

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hóa đơn điện tử. Triển khai nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian giao dịch điện tử.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

a) Nông nghiệp và nông thôn

- Phối hợp xây dựng, tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; triển khai các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân.

- Triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho người nông dân.

- Phối hợp triển khai Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

- Phối hợp triển khai toàn diện Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

- Phối hợp cập nhật bộ tiêu chí về nông thôn mới, về xóa đói giảm nghèo; tổ chức triển khai mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số với nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”.

- Thường xuyên tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người nông dân qua hệ thống truyền thông cơ sở, qua hệ thống hội nông dân các cấp; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng đào tạo trực tuyến, trong đó ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sản phẩm giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người nông dân chủ động nghiên cứu, áp dụng các mô hình chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp;

b) Y tế

- Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế; phổ cập dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

- Triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, từ tỉnh, huyện tới cơ sở.

- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn huyện; các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số.

- Triển khai nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất, các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Triển khai nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất; nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở; nền tảng giám sát dịch bệnh để quản lý bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm.

- Triển khai nền tảng quản lý trạm y tế xã đến tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Triển khai nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân để mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân nhằm hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị; hồ sơ sức khỏe được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

- Triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người dân với bác sĩ tư vấn.

- Triển khai nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, chẩn đoán đề xuất liệu trình phù hợp.

- Triển khai nền tảng số về an toàn thực phẩm và nền tảng số quản lý môi trường y tế.

c) Giáo dục và đào tạo

- Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai nền tảng số dạy và học trực tuyến, kết nối xây dựng mô hình trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử của giáo viên, học sinh, từ đó hình thành hệ sinh thái giáo dục số chất lượng cao, thiết thực, hiệu quả.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

- Phối hợp triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, cập nhật và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Triển khai nền tảng hợp đồng lao động điện tử, khuyến khích người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử, kết hợp sử dụng sổ lao động điện tử cho người lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Phối hợp triển khai sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, bảo đảm đầy đủ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội, thống nhất dùng chung cho toàn huyện, nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

đ) Thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Phối hợp triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025.

- Phối hợp triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân.

e) Du lịch, dịch vụ

- Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

- Phối hợp triển khai nền tảng dữ liệu số du lịch, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Phối hợp cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ

sở dịch vụ du lịch, ...

- Phối hợp triển khai nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn. Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch.

f) Văn hóa, thể thao

- Phối hợp triển khai nền tảng thư viện số giúp tăng cường khả năng tìm kiếm, quản lý và sử dụng các kho tài liệu điện tử và các nguồn tri thức số khác, cung cấp trải nghiệm tương tác thông minh và cá nhân hóa cho bạn đọc.

- Phối hợp triển khai nền tảng số về bảo tồn di tích văn hóa, giúp cho hoạt động về quản lý, lưu trữ, truyền tải, chia sẻ tài liệu về di tích văn hóa được thuận lợi, hiệu quả.

- Phối hợp triển khai nền tảng số tăng cường khả năng hỗ trợ, phân tích các dữ liệu, hình ảnh trong thể thao chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, điều hành, huấn luyện, phục vụ thể thao thành tích cao của huyện.

g) Tài nguyên và môi trường

- Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Phối hợp triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, trong đó ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái số về tài nguyên và môi trường, đồng thời chia sẻ các nền tảng số cho phát triển kinh tế số, xã hội số ở các ngành, lĩnh vực khác.

- Duy trì hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường, kế hoạch điều tra, thu thập hàng năm nhằm bảo đảm mục tiêu của Kế hoạch này.

h) Tư pháp

Phối hợp triển khai nền tảng số hỗ trợ tư pháp giúp cho công tác quản lý các hoạt động tư pháp trên địa bàn huyện được thuận lợi, hiệu quả, đồng thời tạo kênh cung cấp các dịch vụ tư pháp hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp.

k) Các ngành, lĩnh vực khác

- Tập trung phát triển kinh tế số và xã hội số trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo. Chủ động phối hợp rà soát, tham mưu và triển khai các chính sách, nhiệm vụ hỗ trợ, thu hút nguồn lực cho phát triển kinh tế số, xã hội số của ngành, lĩnh vực, nhất là việc

xây dựng các nền tảng số, ứng dụng số, từng bước kết nối hình thành hệ sinh thái số của ngành, lĩnh vực phục vụ nhu cầu người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng nguồn cơ sở dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực; trong đó, cơ quan nhà nước với vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt kết hợp với sự tham gia tích cực của người dân; bảo đảm thông tin, dữ liệu cung cấp đáp ứng yêu cầu đầy đủ, chính xác, kịp thời và có khả năng tư vấn, dự báo, phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và nhu cầu đời sống, sinh hoạt hằng ngày.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyên đổi số huyện và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm công tác chỉ đạo, điều phối đồng bộ về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn toàn huyện.

2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền ở cấp cơ sở về phát triển kinh tế số và xã hội số, vai trò của “Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06” trong việc hướng dẫn người dân khai thác sử dụng các công nghệ số, nền tảng số, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ số, dịch vụ số rộng khắp toàn huyện.

3. Tăng cường hợp tác giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số theo nhu cầu chuyển đổi số thực tiễn của huyện; đặc biệt đối với các nền tảng số phục vụ cho hoạt động doanh nghiệp, cho nhu cầu của người dân, được cung cấp, chuyển giao miễn phí hoặc có chi phí thấp, giá cả ưu đãi.

4. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số để hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng công nghệ số, nền tảng số, dịch vụ số.

5. Tổ chức các hội nghị, tọa đàm về kinh tế số, xã hội số; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về quê hương, con người, văn hóa của huyện Vạn Ninh.

6. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn huyện, nhất là ở tuyến cơ sở, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, cũng như điều chỉnh, bổ sung các phương án, giải pháp triển khai phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

7. Duy trì thực hiện tốt việc cập nhật các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số, bảo đảm việc đo lường được mức độ phát triển kinh tế số, xã hội số của huyện, qua đó có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

8. Bảo đảm nguồn kinh phí nhà nước cho các hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trọng tâm của huyện. Bên cạnh việc cân đối, bố trí nguồn ngân sách

nhà nước cho hoạt động này, cơ quan nhà nước có trách nhiệm huy động và hướng dẫn sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư từ doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và toàn diện các nội dung tại Kế hoạch này, cụ thể:

a) Trên cơ sở mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch này, xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh vực, địa phương để cụ thể hóa và triển khai đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi quản lý, phụ trách.

Lưu ý: Kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và tiến độ thực hiện; đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn của các Sở, ngành và đặc biệt có sự tham gia góp ý xây dựng, đồng hành của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Chỉ đạo, điều hành và chịu trách nhiệm về kết quả tổ chức triển khai các nội dung, giải pháp thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại Kế hoạch này.

c) Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời tổng hợp các nội dung gửi về UBND huyện (qua Phòng Văn hoá và Thông tin) để gửi Sở Thông tin và Truyền thông đề xuất giải quyết, xử lý.

2. Phòng Văn hoá và Thông tin:

a) Chủ trì, phối hợp các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn tham mưu triển khai thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp thông tin, số liệu, kết quả thực hiện Kế hoạch này vào các báo cáo về công tác chuyển đổi số định kỳ của huyện.

b) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai Kế hoạch này; kịp thời tham mưu đề xuất UBND huyện xem xét, điều chỉnh bổ sung nội dung Kế hoạch theo tình hình thực tế triển khai, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số theo các nội dung của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại điểm e, điểm f, khoản 2, mục III của Kế hoạch.

3. Phòng Kinh tế:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số theo các nội dung của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại điểm a, điểm đ, khoản 2, mục III của Kế hoạch.

Thực hiện việc kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực; tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

4. Phòng Y tế, Trung tâm Y tế huyện:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số theo các nội dung của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại điểm b, khoản 2, mục III của Kế hoạch.

Thực hiện việc kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực; tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

5. Phòng Giáo dục và Đào tạo:

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số theo các nội dung của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại điểm c, khoản 2, mục III của Kế hoạch.

Thực hiện việc kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực; tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

6. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số theo các nội dung của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại điểm d, khoản 2, mục III của Kế hoạch.

Thực hiện việc kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực; tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

7. Phòng Tài nguyên và Môi trường

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số theo các nội dung của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại điểm g, khoản 2, mục III của Kế hoạch.

Thực hiện việc kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực; tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

8. Phòng Tư pháp

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để triển khai hoạt động phát triển kinh tế số và xã hội số theo các nội dung của ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại điểm h, khoản 2, mục III của Kế hoạch.

Thực hiện việc kiểm tra nội dung, tiến độ triển khai thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực; tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định.

9. Các ngành, lĩnh vực khác:

Phối hợp rà soát, tham mưu và triển khai các nhiệm vụ hỗ trợ, thu hút nguồn lực cho phát triển kinh tế số, xã hội số của ngành, lĩnh vực, nhất là việc xây dựng các nền tảng số, ứng dụng số, từng bước kết nối hình thành hệ sinh thái số của ngành, lĩnh vực phục vụ nhu cầu người dân, doanh nghiệp.

10. Trung tâm Văn hoá - Thông tin và Thể thao huyện; Cổng Thông tin điện tử huyện.

Tăng cường thời lượng, tần suất, số lượng tin, bài phát sóng tuyên truyền về Kế hoạch Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của huyện trên sóng truyền thanh; thường xuyên biên tập tin, bài cung cấp cho Văn phòng HĐND và UBND huyện, Ban Biên tập cổng thông tin điện tử để cập nhật tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử huyện.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức hội, đoàn thể huyện:

Vận động các ngành, đoàn thể tham gia tuyên truyền sâu rộng về nội dung Kế hoạch này trên địa bàn huyện đến cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, người lao động và Nhân dân góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng dân cư, hộ gia đình, các tổ chức, cá nhân chủ động tích cực nâng cao các kỹ năng ứng dụng công nghệ số, nâng cao nhận thức chuyển đổi số, tham gia sử dụng các dịch vụ công nghệ số; hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của huyện.

12. Đề nghị các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn huyện:

Thực hiện hỗ trợ giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện trong Kế hoạch này, thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động của doanh nghiệp, phát triển kinh tế số và xã hội số, hạ tầng số, nền tảng số, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

13. Chế độ báo cáo:

Căn cứ nội dung Kế hoạch này các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng Kế hoạch để tổ chức triển khai thực hiện. Định kỳ các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch này vào các báo cáo về công tác chuyển đổi số gửi về UBND huyện (qua Phòng Văn hoá và Thông tin) **thời gian trước ngày 15 hàng tháng**, để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định, hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Vạn Ninh. UBND huyện Vạn Ninh yêu cầu các phòng, ban, các cơ quan, đơn vị; UBND các xã, thị trấn; các tổ chức có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận (VBĐT):

- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở TT&TT;
- TT. Huyện ủy (để b/c);
- TT. HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch và các PCTUBND huyện (để b/c);
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Công Thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VX. *PT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**KT CHỦ TỊCH****PHÓ CHỦ TỊCH****Nguyễn Thanh Sơn**



Ký bởi: ỦY
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA
Email:
ubnd@khanhho
a.gov.vn
Cơ quan: ỦY
BAN NHÂN
DÂN TỈNH
KHÁNH HÒA

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

Số: 867 /KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Khánh Hòa, ngày 22 tháng 01 năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 19/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XVIII về chuyển đổi số tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 11/TTr-STTTT ngày 02/01/2024, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Cụ thể hóa các nội dung được giao tại Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, làm căn cứ, cơ sở để các cơ quan, địa phương, tổ chức, doanh nghiệp kịp thời nắm bắt, triển khai hành động, kết hợp nghiên cứu, mở ra các ngành nghề mới để phát triển toàn diện kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Theo đó:

- Phát triển kinh tế số là hoạt động kinh tế sử dụng công nghệ số và dữ liệu số làm yếu tố đầu vào chính, sử dụng môi trường số làm không gian hoạt động chính và sử dụng công nghệ thông tin - viễn thông để đổi mới sáng tạo, cải tiến môi trường làm việc và sản xuất, kinh doanh, giúp tăng năng suất lao động, tạo ra sản phẩm, giá trị mới, tạo động lực tăng trưởng mới, nhằm bảo đảm “kinh tế số” là một trong các nội dung phát triển có tính “đột phá” theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 28/01/2022 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Phát triển xã hội số là việc tích hợp công nghệ số vào các hoạt động của xã hội, bảo đảm người dân được kết nối, có khả năng tương tác và thành thạo kỹ năng số để khai thác sử dụng hiệu quả các dịch vụ số, tiện ích số phục vụ nhu cầu giao tiếp, học tập, làm việc, mua sắm, giải trí, cũng như tham gia các hoạt động xã hội khác, từng bước thu hẹp khoảng cách vùng miền, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng cuộc sống.



II. MỤC TIÊU

1. Phát triển kinh tế số

Phát triển kinh tế số bảo đảm đồng bộ và ưu tiên tập trung ở các nội dung, nhiệm vụ thuộc tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, bao gồm: Kinh tế số ICT (*công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông*); kinh tế số nền tảng (*hoạt động kinh tế của các nền tảng số, các hệ thống trực tuyến kết nối giữa cung và cầu của các dịch vụ trực tuyến trên mạng*) và kinh tế số ngành (*hoạt động kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực*).

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 15% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 7%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 10%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 80%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 50%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 2%;
- Tỷ lệ sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử đạt trên 80%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ trọng kinh tế số đạt 30% GRDP;
- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%;
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ đạt trên 20%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nền tảng hợp đồng điện tử đạt 100%;
- Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt trên 70%;
- Tỷ lệ nhân lực lao động kinh tế số trong lực lượng lao động đạt trên 3%;
- Tỷ lệ sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) có mặt trên các sàn thương mại điện tử đạt 100%.

2. Phát triển xã hội số

Phát triển xã hội số bảo đảm đồng bộ các nội dung Công dân số (*gồm đặc trưng về danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số*); kết nối số (*khả năng kết nối mạng của người dân, bao gồm tỷ lệ dân được phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng và tỷ lệ người dùng Internet*) và văn hóa số (*mức độ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, mức độ sử dụng dịch vụ số trên mạng, mức độ sử dụng các dịch vụ y tế số, giáo dục số của người dân, ...*).

a) Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 80%;
- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng

hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 80%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 30%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ hộ gia đình được phủ mạng Internet băng rộng cáp quang đạt trên 80%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 70%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt tối thiểu 80%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt trên 30%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 90%;

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 80%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 70%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt tối thiểu 80%.

b) Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

- Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động sử dụng điện thoại thông minh đạt 95%;

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt 95%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%;

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%;

- Tỷ lệ hộ gia đình có nhu cầu đều được kết nối Internet băng rộng bằng cáp quang hoặc mạng di động 5G đạt 100%;

- Tỷ lệ người dân kết nối mạng được bảo vệ ở mức cơ bản đạt trên 80%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến đạt trên 90%;

- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa đạt tối thiểu 50%;

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 95%;

- Tỷ lệ các cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, giáo dục nghề nghiệp hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 100%;

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử đạt tối thiểu 95%.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số

a) Thẻ chế

- Triển khai, áp dụng chính sách, pháp luật của Trung ương tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung chính sách, pháp luật trong từng ngành, lĩnh vực phù hợp với yêu cầu của phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh, trong đó đặc biệt là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Triển khai Đề án nghiên cứu định hướng và giải pháp phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2030.

- Chú trọng xây dựng các chính sách để nâng tỷ lệ hoạt động trực tuyến chiếm tối thiểu 50% các hoạt động trong mỗi cơ quan, đơn vị, tổ chức, ngành, lĩnh vực,...

b) Hạ tầng

- Tổ chức triển khai Chiến lược phát triển hạ tầng số.

- Tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng khu công nghiệp; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch; hạ tầng tài nguyên và môi trường,.... Việc số hóa, thông minh hóa các hạ tầng thiết yếu phải gắn liền với việc nghiên cứu, triển khai hạ tầng kết nối Internet vạn vật (IoT), bảo đảm đồng bộ, chia sẻ sử dụng có hiệu quả, tránh đầu tư trùng lặp.

- Triển khai hoàn thiện kết cấu hạ tầng dịch vụ Logistics tại Kế hoạch số 11264/KH-UBND ngày 09/11/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa về nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025.

- Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng thông rộng đến tất cả các thôn, tổ dân phố, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm về kết nối mạng băng thông rộng. Triển khai nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số.

- Chuyển đổi toàn diện mạng Internet của tỉnh sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6). Các công, trang điện tử cung cấp thông tin, dữ liệu, dịch

- Đề xuất quy hoạch và kêu gọi đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu khu vực Nam Trung Bộ, tạo nền tảng hạ tầng số quan trọng hỗ trợ phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh và khu vực Nam Trung Bộ.

c) Nền tảng số

- Tổ chức triển khai các nền tảng số quốc gia theo lộ trình của Bộ, ngành Trung ương; xác định các nền tảng số dùng chung trong từng ngành, lĩnh vực, phù hợp với tình hình của địa phương, có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển các nền tảng số này.

- Xây dựng Cổng dữ liệu mở của tỉnh; quản lý kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước theo Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ; tiếp tục phát triển mở rộng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh để kết nối đầy đủ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở của các Bộ, ngành, địa phương khác, nhằm bảo đảm việc chia sẻ thông tin, dữ liệu cho người dân, doanh nghiệp khai thác sử dụng.

- Nghiên cứu, phát triển và phổ cập các nền tảng số phục vụ riêng và cá nhân hóa theo nhu cầu sử dụng của từng lĩnh vực, ngành nghề, theo đặc thù của vùng, miền, địa phương, bảo đảm tất cả các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh đều được kết nối, tiếp cận và khai thác sử dụng các nền tảng số.

d) Dữ liệu số

- Tổ chức triển khai Chiến lược dữ liệu quốc gia.

- Tổ chức triển khai kế hoạch phát triển dữ liệu và nhân lực phát triển dữ liệu trong các lĩnh vực trọng điểm: Du lịch, dịch vụ, nông nghiệp, y tế, giáo dục và đào tạo, tài nguyên và môi trường, giao thông vận tải, lao động, công nghiệp và thương mại, xây dựng, văn hóa, thể thao,... bảo đảm dữ liệu được tạo lập tuân thủ theo định dạng máy đọc được, sẵn sàng khả năng chia sẻ, khai thác sử dụng một cách dễ dàng.

- Tổ chức triển khai nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp tỉnh, kết nối liên thông, mở, chia sẻ dữ liệu để tập hợp tài nguyên dữ liệu trong ngành, lĩnh vực, địa phương vào một đầu mối xử lý, phân tích, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số.

đ) An toàn thông tin mạng và an ninh mạng

- Tổ chức triển khai Chiến lược an toàn, an ninh mạng quốc gia.

- Triển khai và bảo đảm yêu cầu an toàn thông tin mạng ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số.

- Tổ chức triển khai phổ cập dịch vụ an toàn thông tin mạng cơ bản giúp người dân phòng, tránh và tự bảo vệ mình trước những nguy cơ, rủi ro và sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp.

- Tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và

- Tổ chức triển khai hệ sinh thái tín nhiệm mạng như một chỉ dẫn quan trọng, tạo niềm tin cho người dân trên môi trường số thông qua việc thực hiện đánh giá và dán nhãn tín nhiệm cho các trang, cổng thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng và các hệ thống thông tin khác đáp ứng yêu cầu về an toàn thông tin mạng.

- Triển khai ký số từ xa theo hướng ưu tiên phổ cập việc sử dụng chữ ký số cá nhân cho người dân một cách đơn giản, thuận tiện, an toàn và có giá cả phù hợp với thu nhập của người dân.

- Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh. Tổ chức triển khai hệ thống định danh và xác thực điện tử của tỉnh, bảo đảm xác thực danh tính số của người dân khi tham gia khai thác các nền tảng số.

- Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm công nghệ cao trong các hoạt động kinh tế - xã hội.

e) Nhân lực số

- Tổ chức triển khai nền tảng số kết nối các cơ sở đào tạo với các doanh nghiệp để thúc đẩy đào tạo theo nhu cầu, theo đặt hàng về chuyên ngành công nghệ thông tin, về kỹ năng số, bảo đảm nguồn nhân lực số tại chỗ, kết nối cung cầu thị trường lao động tại địa phương.

- Triển khai chương trình dạy, học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục phổ thông. Chú trọng tập huấn, đào tạo giáo viên và trang bị đủ thiết bị, robotics, phần mềm. Khuyến khích cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ đào tạo kỹ năng số, STEM/STEAM, robotic để triển khai.

- Triển khai hệ thống thư viện điện tử; các nền tảng tài nguyên giáo dục mở; nền tảng quản lý nội dung học tập; nền tảng lưu trữ hồ sơ số trong suốt quá trình học tập, đào tạo.

- Tổ chức đào tạo về kỹ năng số cho người lao động tại các doanh nghiệp; triển khai các hoạt động bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số tại cộng đồng phục vụ cho phát triển xã hội số.

g) Kỹ năng số, công dân số và văn hóa số

- Tổ chức triển khai chuẩn kỹ năng số, khung kỹ năng số quốc gia và nền tảng sát hạch trực tuyến đánh giá, đo lường kỹ năng số cho từng đối tượng lao động, công chức, viên chức, sinh viên, học sinh.

- Triển khai nền tảng học trực tuyến mở (MOOC) về kỹ năng số.

- Tổ chức các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin, chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Đào tạo đạt chuẩn kỹ năng số cho sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục phổ thông.

được đào tạo, tập huấn về kỹ năng số. Triển khai các chương trình hỗ trợ, phổ cập kết nối số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

- Tổ chức triển khai các chương trình phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ số mà trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để có thể tự bảo vệ tài khoản, dữ liệu của mình trên không gian số và tuân thủ các quy tắc ứng xử trên mạng xã hội. Triển khai nền tảng khảo sát, thu thập ý kiến người dân, tạo kênh độc lập thu thập, tổng hợp ý kiến phản ánh, đánh giá của người dân liên quan đến các vấn đề đời sống kinh tế, xã hội.

h) Doanh nghiệp số

- Tổ chức triển khai Chiến lược phát triển công nghiệp công nghệ số Việt Nam.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Triển khai Đề án xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia.

- Đẩy mạnh kinh doanh trực tuyến qua các nền tảng công nghệ số; triển khai các hình thức thanh toán trực tuyến; có chính sách khuyến khích người tiêu dùng mua sắm trực tuyến; bảo đảm cam kết xây dựng thương hiệu uy tín về chất lượng sản phẩm để tạo niềm tin cho khách hàng.

- Triển khai Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp bưu chính, chuyển phát và Logistic chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các cơ sở, cửa hàng bán lẻ chuyển đổi số; Chương trình hỗ trợ các hộ sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể chuyển đổi số, kinh doanh trên sàn thương mại điện tử. Thúc đẩy phát triển nền tảng quản trị tổng thể, nền tảng kế toán dịch vụ, nền tảng tối ưu hóa chuỗi cung ứng, nền tảng thương mại số nông nghiệp, nền tảng trí tuệ nhân tạo, nền tảng trợ lý ảo, nền tảng thiết bị IoT.

i) Thanh toán số

- Tổ chức triển khai Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Chương trình hành động triển khai thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025 được ban hành tại Quyết định số 5019/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile - Money, tập trung ưu tiên

ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Triển khai Chương trình thúc đẩy dịch vụ Mobile - Money, tập trung ưu tiên ở các vùng, miền có tỷ lệ phổ cập dịch vụ ngân hàng còn ở mức thấp và Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyên đổi số quản trị hoạt động của đơn vị.

- Áp dụng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hóa đơn điện tử. Triển khai nền tảng hóa đơn điện tử quốc gia, kết nối, liên thông với toàn bộ các cơ quan thuế, cho phép thanh toán hóa đơn điện tử, rút ngắn thời gian giao dịch điện tử.

2. Phát triển kinh tế số và xã hội số ngành, lĩnh vực

a) Nông nghiệp và nông thôn

- Xây dựng, tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế số nông nghiệp; triển khai các nền tảng số phục vụ nhu cầu của người nông dân.

- Triển khai nền tảng dữ liệu số nông nghiệp, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp đóng vai trò nòng cốt và người nông dân tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật và cung cấp dữ liệu mở phục vụ sản xuất nông nghiệp, tiêu thụ nông sản; kịp thời cung cấp thông tin, tư vấn, dự báo tình hình cho người nông dân.

- Triển khai Nền tảng số kết nối người nông dân với chuyên gia nông nghiệp để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, phát hiện sớm bệnh dịch cho cây trồng, vật nuôi để có phương án xử lý kịp thời.

- Triển khai toàn diện Nền tảng truy xuất nguồn gốc nông sản cho phép kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ, quy trình sản xuất, tiêu chuẩn chất lượng của nông sản.

- Cập nhật bộ tiêu chí về nông thôn mới, về xóa đói giảm nghèo; tổ chức triển khai mô hình làng chuyển đổi số, xã chuyển đổi số với nhiệm vụ trọng tâm là gắn kết phát triển thương mại điện tử với Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”.

- Thường xuyên tổ chức phổ cập kỹ năng số cho người nông dân qua hệ thống truyền thông cơ sở, qua hệ thống hội nông dân các cấp; tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn kỹ năng số cho người nông dân thông qua các nền tảng đào tạo trực tuyến, trong đó ưu tiên nhóm kỹ năng về sử dụng, khai thác các sàn giao dịch điện tử, thanh toán điện tử, nhận biết, phòng ngừa lừa đảo trên mạng; tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người nông dân chủ động nghiên cứu, áp dụng các mô hình chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp;

b) Y tế

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực y tế; phổ cập dịch vụ chăm sóc sức khỏe và tư vấn khám chữa bệnh từ xa.

- Triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn khám, chữa bệnh từ xa kết nối bệnh viện với bệnh viện, bệnh viện tuyến trên với bệnh viện tuyến dưới, từ trung ương tới cơ sở,

- Triển khai hồ sơ bệnh án điện tử, tiến tới không sử dụng hồ sơ bệnh án giấy và thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; nền tảng quản lý đơn thuốc điện tử quốc gia tại tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân trên địa bàn tỉnh; các nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số.

- Triển khai nền tảng quản lý xét nghiệm thống nhất, các kết quả xét nghiệm trong hồ sơ bệnh án điện tử được công nhận lẫn nhau giữa các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Triển khai nền tảng quản lý tiêm chủng thống nhất; nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở; nền tảng giám sát dịch bệnh để quản lý bệnh truyền nhiễm và bệnh không lây nhiễm.

- Triển khai nền tảng quản lý trạm y tế xã đến tất cả các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai nền tảng hồ sơ sức khỏe cá nhân để mỗi người dân có một hồ sơ số về sức khỏe cá nhân nhằm hình thành hệ thống chăm sóc y tế số hoàn chỉnh từ khâu chăm sóc sức khỏe ban đầu, dự phòng đến điều trị; hồ sơ sức khỏe được cập nhật thường xuyên, lưu lại thông tin về tình trạng sức khỏe người dân trong suốt cuộc đời.

- Triển khai nền tảng hỗ trợ tư vấn sức khỏe trực tuyến, kết nối người dân với bác sĩ tư vấn.

- Triển khai nền tảng số kết nối các chuyên gia trong lĩnh vực y tế để thu thập, dán nhãn dữ liệu theo hình thức đóng góp của cộng đồng; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hỗ trợ phân tích, chẩn đoán đề xuất liệu trình phù hợp.

- Triển khai nền tảng số về an toàn thực phẩm và nền tảng số quản lý môi trường y tế.

c) Giáo dục và đào tạo

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

- Triển khai nền tảng số dạy và học trực tuyến, kết nối xây dựng mô hình trực tuyến toàn trình cho công tác giảng dạy - học tập - thi cử của giáo viên, sinh viên, học sinh, từ đó hình thành hệ sinh thái giáo dục số chất lượng cao, thiết thực, hiệu quả.

- Lựa chọn và ứng dụng sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp công nghệ giáo dục (Edtech) vào giảng dạy; có ít nhất 05 trường học trên địa tỉnh được lựa chọn triển khai thí điểm mô hình trường học thông minh.

d) Lao động, việc làm và an sinh xã hội

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội; thúc đẩy, khuyến khích các hình thức giao dịch điện tử, chứng chỉ chứng nhận điện tử, chi trả an sinh xã hội trực tuyến hoặc trực tiếp tới đối tượng thụ hưởng, loại bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

- Triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội, trong

thiết.

- Triển khai nền tảng dữ liệu số về lao động, việc làm và an sinh xã hội, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, tổ chức sử dụng lao động đóng vai trò nòng cốt và người lao động, người dân tham gia tích cực trong thu thập, chuẩn hóa, cập nhật và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phân tích, dự báo, công bố thông tin thị trường lao động và thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Triển khai nền tảng hợp đồng lao động điện tử, khuyến khích người lao động và tổ chức sử dụng lao động thực hiện ký kết hợp đồng lao động điện tử, kết hợp sử dụng sổ lao động điện tử cho người lao động theo hướng dẫn của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

- Triển khai sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm, bảo đảm đầy đủ thông tin về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và thông tin về y tế, an sinh xã hội, thống nhất dùng chung cho toàn tỉnh, nhằm cung cấp chính xác, kịp thời thông tin về bảo hiểm phục vụ công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu chính đáng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

đ) Thương mại, công nghiệp và năng lượng

- Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2021 - 2025.

- Triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030” trên địa bàn tỉnh.

- Quản lý, giám sát tình hình thị trường hàng hóa, chống gian lận thương mại, hàng giả và bảo vệ người tiêu dùng trong các giao dịch thương mại điện tử trực tuyến; từng bước xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh, có tính cạnh tranh và phát triển bền vững.

- Thúc đẩy thương mại điện tử tại các vùng nông thôn có tiềm năng phát triển. Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để góp phần đưa mỗi một người dân thành một doanh nhân. Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử hỗ trợ các ngành hàng xuất khẩu chủ lực.

- Triển khai nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi giá trị, kết nối các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử cùng cấu thành nên chuỗi cung ứng.

- Tổ chức triển khai cơ chế điều phối hoạt động hỗ trợ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

- Triển khai nền tảng số kết nối doanh nghiệp sản xuất với các chuyên gia công nghệ và các nhà cung cấp giải pháp chuyên nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

- Ứng dụng công nghệ số trong quản lý, hỗ trợ hoạt động của doanh nghiệp tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, giám sát, đôn đốc ngành điện thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ.

- Triển khai nền tảng dữ liệu số du lịch, trong đó cơ quan nhà nước đóng vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp du lịch đóng vai trò nòng cốt và khách du lịch tham gia tích cực trong việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật và cung cấp dữ liệu mở phục vụ hoạch định chính sách, lập kế hoạch kinh doanh, tối ưu hóa, cải thiện chất lượng dịch vụ và đưa ra các gói ưu đãi cho khách du lịch. Cập nhật thường xuyên thông tin, dữ liệu số về khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở dịch vụ du lịch, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ ăn uống, ẩm thực, sân bay, bến, bãi.

- Triển khai nền tảng quản trị và kinh doanh du lịch, phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp du lịch, kết nối doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ du lịch trong nước với các nhà phân phối, đại lý du lịch trực tuyến và các sàn giao dịch du lịch trực tuyến lớn. Hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối, đổi mới sáng tạo trong hoạt động kinh doanh du lịch, tạo ra các gói du lịch hấp dẫn cho từng phân khúc khách du lịch.

- Triển khai hệ sinh thái du lịch thông minh, theo đó ứng dụng công nghệ số để kết nối nhằm hỗ trợ và tăng trải nghiệm cho khách du lịch; mở rộng năng lực cung cấp dịch vụ kết hợp giữa kênh thực và kênh số; sử dụng tối đa các giao dịch điện tử trong hoạt động du lịch; ứng dụng công nghệ hiện đại vào phát triển các phần mềm, tiện ích thông minh hỗ trợ công tác quản lý và phục vụ khách du lịch.

g) Văn hóa, thể thao

- Triển khai nền tảng mô hình hóa đa chiều phục vụ phát triển bảo tàng số; tổ chức kết nối, chia sẻ tài nguyên tri thức từ hệ thống tư liệu tại các bảo tàng trong tỉnh.

- Triển khai nền tảng thư viện số giúp tăng cường khả năng tìm kiếm, quản lý và sử dụng các kho tài liệu điện tử và các nguồn tri thức số khác, cung cấp trải nghiệm tương tác thông minh và cá nhân hóa cho bạn đọc.

- Triển khai nền tảng số về bảo tồn di tích văn hóa, di sản vật thể và phi vật thể, giúp cho hoạt động về quản lý, lưu trữ, truyền tải, chia sẻ, bảo tồn, khôi phục các hiện vật, tài liệu về di tích văn hóa, di sản vật thể và phi vật thể được thuận lợi, hiệu quả.

- Triển khai nền tảng số tăng cường khả năng hỗ trợ, phân tích các dữ liệu, hình ảnh trong thể thao chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, điều hành, huấn luyện, phục vụ thể thao thành tích cao của tỉnh.

h) Tài nguyên và môi trường

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Triển khai hạ tầng số, nền tảng dữ liệu số ngành tài nguyên và môi trường, trong đó ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái số về tài nguyên và môi trường, đồng thời chia sẻ các nền tảng số

trong đó ưu tiên xây dựng nền tảng dữ liệu đất đai, bản đồ số bảo đảm cung cấp, chia sẻ dữ liệu, thông tin, hình thành các dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, khai thác hiệu quả hệ sinh thái số về tài nguyên và môi trường, đồng thời chia sẻ các nền tảng số cho phát triển kinh tế số, xã hội số ở các ngành, lĩnh vực khác.

- Duy trì hệ thống thông tin ngành tài nguyên và môi trường, kế hoạch điều tra, thu thập hàng năm nhằm bảo đảm mục tiêu của Kế hoạch này.

i) Tư pháp

Triển khai nền tảng số hỗ trợ tư pháp giúp cho công tác quản lý các hoạt động tư pháp trên địa bàn tỉnh được thuận lợi, hiệu quả, đồng thời tạo kênh cung cấp các dịch vụ tư pháp hỗ trợ cho người dân, doanh nghiệp.

k) Các ngành, lĩnh vực khác

- Tập trung phát triển kinh tế số và xã hội số trong từng ngành, lĩnh vực theo hướng thiết lập môi trường phù hợp cho đổi mới sáng tạo. Chủ động rà soát, tham mưu và triển khai các chính sách, nhiệm vụ hỗ trợ, thu hút nguồn lực cho phát triển kinh tế số, xã hội số của ngành, lĩnh vực, nhất là việc xây dựng các nền tảng số, ứng dụng số, từng bước kết nối hình thành hệ sinh thái số của ngành, lĩnh vực phục vụ nhu cầu người dân, doanh nghiệp.

- Xây dựng nguồn cơ sở dữ liệu mở của ngành, lĩnh vực; trong đó, cơ quan nhà nước với vai trò dẫn dắt, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đóng vai trò nòng cốt kết hợp với sự tham gia tích cực của người dân; bảo đảm thông tin, dữ liệu cung cấp đáp ứng yêu cầu đầy đủ, chính xác, kịp thời và có khả năng tư vấn, dự báo, phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh và nhu cầu đời sống, sinh hoạt hằng ngày.

- Tổ chức đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực; chủ động rà soát, phối hợp đặt hàng đào tạo công nghệ số chuyên ngành, chuyển đổi số chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo đại học, sau đại học, bảo đảm nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh vực.

IV. GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm công tác chỉ đạo, điều phối đồng bộ về phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền ở cấp cơ sở về phát triển kinh tế số và xã hội số, vai trò của “Tổ công nghệ số cộng đồng và Đề án 06” trong việc hướng dẫn người dân khai thác sử dụng các công nghệ số, nền tảng số, hình thành mạng lưới triển khai công nghệ số, dịch vụ số rộng khắp toàn tỉnh.

3. Tăng cường hợp tác giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số theo nhu cầu chuyển đổi số thực tiễn của tỉnh; đặc biệt đối với các nền tảng số phục vụ cho hoạt động doanh nghiệp, cho nhu cầu của người dân, được cung cấp, chuyển giao miễn phí hoặc có chi phí thấp, giá cả ưu đãi.

4. Hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp trong và nước ngoài trong việc thu hút nguồn lực, tri thức, chuyển giao công nghệ số vào tỉnh.

5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn rộng khắp về các nền tảng số, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số để hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng công nghệ số, nền tảng số, dịch vụ số.

6. Tổ chức các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, các sự kiện về kinh tế số, xã hội số; lồng ghép nội dung về kinh tế số, xã hội số trong các sự kiện, triển lãm về phát triển kinh tế - xã hội, giới thiệu về quê hương, con người, văn hóa, du lịch Nha Trang - Khánh Hòa.

7. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế số, xã hội số trên địa bàn tỉnh, nhất là ở tuyến cơ sở, qua đó kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, cũng như điều chỉnh, bổ sung các phương án, giải pháp triển khai sao cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

8. Duy trì thực hiện tốt việc cập nhật các chỉ tiêu kinh tế số, xã hội số, bảo đảm việc đo lường được mức độ phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh, qua đó có những điều chỉnh, bổ sung phù hợp.

9. Bảo đảm nguồn kinh phí nhà nước cho các hoạt động phát triển kinh tế số, xã hội số trọng tâm của tỉnh. Bên cạnh việc cân đối, bố trí nguồn ngân sách nhà nước cho hoạt động này, cơ quan nhà nước có trách nhiệm huy động và hướng dẫn sử dụng có hiệu quả các nguồn đầu tư từ doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác cho phát triển kinh tế số, xã hội số.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương

Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và toàn diện các nội dung tại Kế hoạch này, cụ thể:

a) Trên cơ sở mục tiêu, nội dung, giải pháp của Kế hoạch này, xây dựng, ban hành kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh vực, địa phương để cụ thể hóa và triển khai đầy đủ các nội dung thuộc phạm vi quản lý, phụ trách. Lưu ý, kế hoạch của ngành, lĩnh vực, địa phương phải xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ và tiến độ thực hiện; đáp ứng yêu cầu, hướng dẫn của Bộ, ngành và đặc biệt có sự tham gia góp ý xây dựng, đồng hành của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Chỉ đạo, điều hành và chịu trách nhiệm về kết quả tổ chức triển khai các nội dung, giải pháp thuộc phạm vi quản lý, phụ trách tại Kế hoạch này.

c) Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để giải quyết, xử lý và đề xuất các nội dung thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu triển khai

thực hiện Kế hoạch này; tổng hợp thông tin, số liệu, kết quả thực hiện Kế hoạch này vào các báo cáo về công tác chuyển đổi số định kỳ của tỉnh.

b) Có ý kiến chuyên môn và hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc xây dựng, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế số và xã hội số của ngành, lĩnh vực, địa phương.

c) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai Kế hoạch này; kịp thời rà soát, đề xuất UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh bổ sung nội dung Kế hoạch theo tình hình thực tế triển khai, bảo đảm chất lượng, hiệu quả và đạt mục tiêu Kế hoạch đề ra./.

Nơi nhận:

- Bộ TTTT (VBĐT - để b/c);
- TT. Tỉnh ủy (để b/c);
- TT. HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- TT. UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đoàn thể chính trị - xã hội;
- Các đơn vị sự nghiệp;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, ĐL, LH, TNT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature)

Đinh Văn Thiệu